TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2024/HS-ST
Ngày 04 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Xuân Lập - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Bùi Ngọc D, sinh năm 2005 tại Hà Nam; nơi cư trú: Thôn MT, xã KB, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C và bà Trần Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không; bị cáo đang tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

* *Bị hại:* Chị Bùi Thị N, sinh năm 1993; trú tại: Thôn MT, xã KB, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Anh Bùi Bá D, sinh ngày 26/7/2007; trú tại: Thôn MT, xã KB, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của anh Bùi Bá D là: Ông Bùi Xuân C, sinh năm 1974; trú tại: Thôn MT, xã KB, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1998; trú tại: Thôn KT, xã KB, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1977; trú tại: Thôn MT, xã KB, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ họ hàng và là hàng xóm nên Bùi Ngọc D thường sang nhà chị Bùi Thị N chơi và biết chị N có để tài sản trong ngăn tủ quần áo kê ở phòng ngủ tại tầng một, chìa khóa phòng ngủ để ở ngăn kéo tủ ti vi ở phòng khách. Khoảng 18 giờ ngày 31/01/2024, thấy gia đình chị N đi vắng nên D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của chị N, D mở cửa tầng 2 nhà mình nhảy sang mái tầng 1 nhà chị N trèo lên nóc tum bỏ tấm prô xi măng lợp trên nóc tum ra rồi nhảy xuống cầu thang vào trong nhà chị N. D xuống tầng 1 lấy chìa khóa mở cửa phòng ngủ của chị N và đi đến tủ quần áo bằng nhựa mở ra thấy 01 túi bóng màu trắng bên trong có 02 hộp giấy màu đỏ có chữ "Tạ Tấn". D mở ra kiểm tra thấy một hộp có 01 đôi bông tai màu vàng; hộp còn lại có 01 nhẫn màu vàng, 01 lắc tay màu vàng và 01 lắc tay màu trắng. D cầm 02 hộp đựng trang sức bỏ vào túi quần, còn chiếc túi bóng trắng để vào vị trí cũ rồi đi ra khép cửa lại. D ném chìa khóa xuống nền cầu thang, trèo ra ngoài theo lối lúc vào. Khi trèo ra ngoài, D bê tấm prôximăng đặt vào vị trí cũ rồi đi về nhà.

Do không biết cửa hàng nào mua bán trang sức nên D sử dụng điện thoại của mình nhắn tin đến tài khoản Facebook "D Bùi" của Bùi Bá D để rủ D cùng đi bán vàng. D nói với D vàng do D nhặt được nên D đồng ý. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 31/01/2024, D điều khiển xe mô tô biển số 90B2-450.90 chở D đi đến cửa hàng vàng Thanh T. D nói với anh Nguyễn Văn T là chủ cửa hàng số vàng này do D nhặt được và bán với số tiền là 4.300.000 đồng. Sau đó D và D đi về đến dốc chùa thuộc địa phận thôn Kim Thượng, xã Kim Bình, thành phố Phủ Lý, D ném 2 vỏ hộp giấy màu đỏ đựng trang sức xuống rệ đường rồi đưa cho D số tiền 2.100.000 đồng, Duy cầm số tiền 2.200.000 đồng. Khi về đến gần nhà D, D đưa lại cho D 500.000 đồng và nói "*cho mày năm trăm nạp game"*, còn D cầm 1.600.000 đồng đi bộ về nhà và sử dụng hết số tiền trên vào việc tiêu sài cá nhân.

** Vật chứng, tài sản thu giữ:*

- Số tiền 2.700.000 đồng thu giữ của Bùi Bá D.

- 02 hộp giấy màu đỏ, trên mặt hộp giấy có in dòng chữ dòng chữ "DNTN VÀNG BẠC TẠ TẤN".

- Thu giữ của anh Nguyễn Văn T: 01 vòng tay hình bầu dục bằng kim loại màu trắng, trên mặt của vòng tay được thiết kế hoạ tiết hình bông hoa, giữa bông hoa được đính dạng viên đá hình tròn; 01 nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng, được đính dạng đá màu trắng, trên mặt chiếc nhẫn được khắc chữ và số "10K"; 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng, trên mặt bông tai được thiết kế hoạ tiết đính dạng đá màu trắng, có khắc chữ và số "10K"; 01 dây dạng lắc bằng kim loại màu vàng, được thiết kế dạng các mắt xích nối với nhau, có nhiều hoạ tiết (tất cả được niêm phong trong phong bì ký hiệu "T1").

- 01 chiếc USB được niêm phong trong phong bì ký hiệu "USBKT" lưu giữ dữ liệu camera tại cửa hàng vàng Thanh T.

- 01 chiếc USB được niêm phong trong phong bì ký hiệu "CAM TẠ TẤN" lưu giữ dữ liệu camera tại hiệu vàng Tạ Tấn.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A12, màu đen thu giữ của Bùi Ngọc D.

Tại bản Kết luận giám định số 1211/KL-KTHS ngày 23/02/2024 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an, kết luận:

"Mẫu ký hiệu "T1" gửi giám định gồm:

- 01 vòng tay kim loại màu trắng, hình bầu dục, mặt vòng tay được chế tác dạng hình bông hoa gắn các viên đá không màu, ở giữa gắn 01 viên đá màu vàng có tổng khối lượng 9,30 gam (tính cả các viên đá), trong đó:

+ Phần kim loại là hợp kim của bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng Ag: 80,27%.

+ Các viên đá không màu và viên đá màu vàng đều là đá CZ.

- 01 nhẫn kim loại màu vàng, hình tròn, mặt nhẫn gắn các viên đá không màu có tổng khối lượng 1,31 gam (tính cả các viên đá), trong đó:

+ Phần kim loại là hợp kim của vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng Au: 41,50%, Ag: 6,16%.

+ Các viên đá không màu đều là đá CZ.

- 01 đôi bông tai kim loại màu vàng, trên mặt gắn các viên đá không màu có tổng khối lượng 2,13 gam (tính cả các viên đá), trong đó:

+ Phần kim loại là hợp kim của vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Au: 41,59%, Ag: 7,82%.

+ Các viên đá không màu đều là đá CZ.

- 01 lắc tay kim loại màu vàng được chế tác dạng các mắt xích nối với nhau, có nhiều hoạ tiết gắn các viên đá không màu có tổng khối lượng 4,75 gam (tính cả các viên đá), trong đó:

+ Phần kim loại là hợp kim của vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Au: 41,51%, Ag: 5,25%.

+ Các viên đá không màu đều là đá CZ".

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐGTS ngày 07/03/2024 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Phủ Lý, kết luận:

"- 01 vòng tay kim loại màu trắng, hình bầu dục, mặt vòng tay được chế tác dạng hình bông hoa gắn các viên đá không màu, ở giữa gắn một viên đá màu vàng có tổng khối lượng 9,30 gam (tính cả các viên đá), trong đó: Phần kim loại là hợp kim của bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng Ag: 80,27%, các viên đá không màu và viên đá màu vàng đều là đá CZ, đã qua sử dụng, trị giá: 120.000đ.

- 01 nhẫn kim loại màu vàng, hình tròn, mặt nhẫn gắn các viên đá không màu có tổng khối lượng 1,31 gam (tính cả các viên đá), trong đó: Phần kim loại là hợp kim của vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng Au: 41,50%, Ag: 6,16%, các viên đá không màu đều là đá CZ, đã qua sử dụng, trị giá: 890.000đ.

- 01 đôi bông tai kim loại màu vàng, trên mặt gắn các viên đá không màu có tổng khối lượng 2,13 gam (tính cả các viên đá), trong đó: Phần kim loại là hợp kim của vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng Au: 41,59%, Ag: 7,82%, các viên đá không màu đều là đá CZ, đã qua sử dụng, trị giá: 1.330.000đ.

- 01 lắc tay kim loại màu vàng được chế tác dạng các mắt xích nối với nhau, có nhiều hoạ tiết gắn các viên đá không màu có tổng khối lượng 4,75 gam (tính cả các viên đá), trong đó: Phần kim loại là hợp kim của vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng Au: 41,51%, Ag: 5,25%, các viên đá không màu đều là đá CZ, đã qua sử dụng, trị giá: 3.145.000đ".

* Tại bản cáo trạng số 96/CT-VKS-PL ngày 29/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã truy tố Bùi Ngọc D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như đã nêu trong bản cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Bùi Ngọc D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 50 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Ngọc D từ 9 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

+ Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại số tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu đề nghị gì khác về dân sự nên không xem xét.

+ Xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự: Trả lại bà Trần Thị H số tiền 2.700.000đ; trả lại bị cáo Bùi Ngọc D 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A12 màu đen; tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án 02 chiếc USB được niêm phong trong phong bì ký hiệu "USBKT" và "CAM TẠ TẤN" lưu giữ dữ liệu camera tại cửa hàng vàng Thanh Tùng và hiệu vàng Tạ Tấn làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại chị Bùi Thị N có quan điểm: Chị đã nhận lại tài sản do bị cáo trộm cắp của chị, nay chị không có yêu cầu, đề nghị gì về phần dân sự; chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Bùi Xuân C có quan điểm: Bản thân Bùi Bá D không biết được toàn bộ số vàng là do Bùi Ngọc D trộm cắp mà có nên đã đi cùng D để bán vàng, số tiền 2.700.000 đồng là tiền bán vàng Bùi Bá D đã nộp lại đề nghị xem xét giải quyết theo pháp luật.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Văn T trình bày: Khi D và D mang số vàng đến bán tại cửa hàng của anh, anh không biết là tài sản do trộm cắp mà có, anh đã giao nộp toàn bộ số vàng mà anh mua của D và Duy cho Cơ quan điều tra, còn số tiền mua vàng bị cáo D và gia đình đã trả lại đủ cho anh nên anh không có yêu cầu gì.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị H trình bày: Bà là mẹ của bị cáo D, số tiền bà trả cho anh Nguyễn Văn T là tiền của bà tự nguyện bỏ ra để khắc phục hậu quả cho D. Nay bà xin lại số tiền 2.700.000 đồng là phần tiền của Duy được chia, còn phần của D bà tự nguyện khắc phục hậu quả và không yêu cầu D trả lại bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (anh Bùi Bá D) vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân

thành phố Phủ Lý đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, bản kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ của vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 31/01/2024, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, Bùi Ngọc D đã lén lút đột nhập vào nhà chị Bùi Thị N ở thôn Mạnh Tiến, xã Kim Bình, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, trộm cắp 01 đôi bông tai bằng vàng tây, 01 nhẫn bằng vàng tây, 01 lắc tay bằng vàng tây và 01 vòng tay bằng kim loại màu trắng, có tổng giá trị là: 5.485.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

[4] Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo và gia đình đã tự nguyện trả số tiền 4.300.000 đồng cho cửa hàng vàng Thanh Tùng để khắc phục hậu quả; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Phủ Lý, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân. Vì vậy, việc xét xử nghiêm minh hành vi phạm tội này là cần thiết, với mức hình phạt tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú, có lý lịch rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

- Hình phạt bổ sung: Xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Bùi Thị N đã nhận lại số tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu đề nghị gì khác về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo Bùi Ngọc D và gia đình đã trả lại toàn bộ số tiền 4.300.000 đồng tiền bán số tài sản trộm cắp cho chủ cửa hàng vàng Thanh Tùng, anh Nguyễn Văn T đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng:

- Đối với 02 hộp giấy màu đỏ, trên mặt hộp giấy có in dòng chữ dòng chữ "DNTN VÀNG BẠC TẠ TẤN"; 01 vòng tay hình bầu dục bằng kim loại màu trắng, trên mặt của vòng tay được thiết kế hoạ tiết hình bông hoa, giữa bông hoa được đính dạng viên đá hình tròn; 01 nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng, được đính dạng đá màu trắng, trên mặt chiếc nhẫn được khắc chữ và số "10K"; 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng, trên mặt bông tai được thiết kế hoạ tiết đính dạng đá màu trắng, có khắc chữ và số "10K"; 01 dây dạng lắc bằng kim loại màu vàng, được thiết kế dạng các mắt xích nối với nhau, có nhiều hoạ tiết là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị Bùi Thị N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý đã trả lại cho chị N là phù hợp pháp luật.

- Đối với số tiền 2.700.000 đồng thu giữ của Bùi Bá Duy là một phần tiền do bán tài sản trộm cắp mà có. Tuy nhiên, bà Trần Thị H (mẹ bị cáo Bùi Ngọc D) đã trả toàn bộ số tiền bán tài sản trộm cắp cho chủ cửa hàng vàng Thanh Tùng (trả cả phần tiền của Bùi Bá Duy). Do vậy, số tiền 2.700.000 đồng cần trả lại cho bà Trần Thị H.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A12, màu đen là tài sản của Bùi Ngọc D không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cần trả lại cho bị cáo Bùi Ngọc D.

- Đối với 02 chiếc USB lưu giữ dữ liệu camera tại cửa hàng vàng Thanh Tùng và hiệu vàng Tạ Tấn cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án làm căn cứ giải quyết vụ án.

[8] Về tình tiết khác của vụ án:

- Đối với Bùi Bá Duy là người được Bùi Ngọc D rủ đi bán tài sản D trộm cắp được nhưng Duy không biết là tài sản do Bùi Ngọc D trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý về hình sự đối với Duy là phù hợp pháp luật.

- Đối với anh Nguyễn Văn T là người mua số tài sản của Bùi Ngọc D trộm cắp được nhưng anh T không biết là tài sản do Bùi Ngọc D trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xem xét xử lý đối với anh T về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và đại diện theo pháp luật của họ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 50; Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các Điều 106; 136; 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Ngọc D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Xử phạt: Bị cáo Bùi Ngọc D 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/7/2024).

Giao Bùi Ngọc D cho Ủy ban nhân dân xã KB, thành phố PL, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Xử lý vật chứng:

- Trả lại bà Trần Thị H số tiền 2.700.000đ (hai triệu bẩy trăm nghìn đồng).

- Trả lại Bùi Ngọc D 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A12 màu đen.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng như trong biên bản giao nhận, vật chứng lập ngày 04/6/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý và ủy nhiệm chi số 25 lập ngày 07/6/2024).

- Tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án 02 chiếc USB được niêm phong trong phong bì ký hiệu "USBKT" và "CAM TẠ TẤN" lưu giữ dữ liệu camera tại hiệu vàng Thanh Tùng và hiệu vàng Tạ Tấn.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Bùi Ngọc D phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng

mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- CQ CSĐT CA thành phố Phủ Lý;
- CQ THAHS có thẩm quyền;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQĐVA và đại diện theo pháp luật của họ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuyên